

Số: 156/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 21 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Ánh X, sinh năm: 1982

Địa chỉ cư trú: Số 1M đường số H2, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh

- Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1979

Địa chỉ cư trú: Số 1M đường số H2, Phường B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh X và anh Nguyễn Trọng N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01, ngày 21/9/2004 của Ủy ban nhân dân Thị trấn

Gia Nghĩa, huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông (Nay là UBND phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/02/2020, chị X và anh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, có một con chung tên Nguyễn Minh B, sinh ngày 16/02/2008. Hai bên thỏa thuận, anh Nguyễn trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, hàng tháng chị Xuân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung chị X và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị X và anh N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con, xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ánh X và anh Nguyễn Trọng N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01, ngày 21/9/2004 do Ủy ban nhân dân Thị trấn Gia Nghĩa, huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông (Nay là Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông) cấp cho chị X và anh N hết hiệu lực.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Minh B, sinh ngày 16/12/2008. Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Trọng N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Nguyễn Thị Ánh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi trẻ B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng

quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị X và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ánh X và anh Nguyễn Trọng N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị X và anh N đã đóng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số AA/2019/0025451 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế